

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN



ĐỀ ÁN

**ĐÀO TẠO VÀ CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO VIÊN
DẠY TIẾNG JRAI**

*(Kèm theo Tờ trình số 2513./TTr-DHTN, ngày 18 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

ĐẮK LẮK, 2023

Số 2.51.3/TTr-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 1 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc cho phép tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ giáo viên dạy tiếng Êđê và tiếng Jrai

Căn cứ Thông tư 09/TT-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 02/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết);

Căn cứ Quyết định số 2125/QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy định về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ cuộc họp ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Tây Nguyên thẩm định Đề án đào tạo và cấp chứng chỉ giáo viên dạy tiếng Êđê và tiếng Jrai;

Căn cứ cuộc họp ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Chương trình chi tiết Đề án đào tạo và cấp chứng chỉ giáo viên dạy tiếng Êđê và tiếng Jrai.

Trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, Đảng và Nhà nước luôn xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu. Với vị trí chiến lược của khu vực Tây Nguyên, việc bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác trên địa bàn là một yếu tố quan trọng góp phần đắc lực cho quá trình phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Với tiềm lực hiện có, Trường Đại học Tây Nguyên chúng tôi xét thấy có đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và kinh nghiệm trong công tác đào tạo giáo viên dạy tiếng Êđê và Jrai theo đúng quy định hiện hành.

Trường Đại học Tây Nguyên kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức Đào tạo và cấp chứng chỉ giáo viên dạy tiếng Êđê, tiếng Jrai theo quy định của Thông tư 09/2023/TT-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (với 02 Đề án kèm theo).

Trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Giáo dục Dân tộc;
- Lưu: VT, TTKHXH&NVTN.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS-TS. Nguyễn Văn Nam

MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO VÀ CẤP CHỈ GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI.....	4
1. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án.....	4
2. Sự cần thiết xây dựng đề án	5
3. Mục đích, yêu cầu của việc tổ chức đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai.....	9
PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI.....	10
1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	10
2. Tài liệu giảng dạy	11
3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai.....	12
4. Năng lực của đơn vị được giao tổ chức đào tạo	16
PHẦN III. TUYỂN SINH VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI	23
1. Phương thức tuyển sinh	23
2. Đối tượng tuyển sinh	23
3. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	23
4. Hồ sơ tuyển sinh	23
5. Căn cứ xây dựng Chương trình đào tạo.....	23
6. Thời lượng và cấu trúc chương trình đào tạo	23
7. Nội dung chương trình đào tạo.....	24
8. Yêu cầu cần đạt	25
PHẦN IV. HÌNH THỨC TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	27
1. Hình thức tổ chức đào tạo	27
2. Kiểm tra, đánh giá.....	27
3. Xếp loại, bảo lưu kết quả học tập.....	27
4. Cấp chứng chỉ.....	28
5. Tổ chức thực hiện.....	28
6. Đề nghị và cam kết thực hiện.....	29
PHỤ LỤC	30

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO
VÀ CẤP CHỈ GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI

1. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống dân tộc (Điều 5);
- Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội Khóa XIV Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030.
- Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 12/NQ-CP, ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ ban hành triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019, Quốc hội Khóa XIV phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn năm 2021- 2030.
- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Dạy tiếng tại THPH;
- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn năm 2014-2020;
- Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2016 về Phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới;
- Quyết định 981/QĐ-BNV, ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Bộ Nội vụ về việc lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số và địa phương Biên soạn tài liệu dạy cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

- Quyết định số 02/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các quyết định và thông tư ban hành các mã ngành đào tạo giáo viên dạy TDT, ban hành các chương trình TDT trong trường phổ thông, ban hành các chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc;

- Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

- Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên.

- Quyết định số 2125/QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của Trường Đại học Tây Nguyên.

2. Sự cần thiết xây dựng đề án

2.1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn phát triển giáo dục dân tộc và giáo viên khu vực Tây Nguyên theo chủ trương của Đảng và Nhà nước

Với 49 dân tộc cộng cư, Tây Nguyên là một vùng đất có đến với hơn 5,8 triệu người, chiếm 6,1% dân số cả nước, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, đội ngũ trí thức và cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên đã đóng góp vai trò không nhỏ cho sự phát triển của đất nước. Từ sau 1975, Tây Nguyên đã trải qua một chặng đường phát triển, biến đổi “nhanh, mạnh và không ngừng” với các chương trình, dự án phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, QP -AN Trong bối cảnh toàn cầu hoá, Tây Nguyên chuyển mình

hội nhập trong nỗ lực giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ các dân tộc.

Cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, trong những năm vừa qua, nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển kinh tế, xã hội khu vực Tây Nguyên được ban hành và thực hiện. Trong đó, việc phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội ở Tây Nguyên được Đảng và Nhà nước được thể hiện rõ trong Luật, các nghị quyết, nghị định, quyết định, các thông tư, về công tác giáo dục dân tộc và bảo tồn, phát triển tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số nói chung và của người Jrai nói riêng. Chính sách dân tộc của Nhà nước đã được đề cập, phát triển qua từng giai đoạn, thể hiện ở các bản hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII luôn xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị. Trong giai đoạn vừa qua, nhiều chính sách lớn về phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được ban hành như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XI và thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Kết luận số 12-KL/TW ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị Khóa IX phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 – 2020; Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27 tháng 1 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về việc “Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030”; Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Jrai, tiếng Jrai, tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng M'nông, tiếng Thái; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Quyết định số 142/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình “Nâng

cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030”, ngày 27/1/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành; Thông tư 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng DTTS; Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 về việc cho phép dạy học tiếng Bahnar, tiếng Jrai ở cấp Tiểu học trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Tỉnh Gia Lai về việc Triển khai thực hiện Chương trình “Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng DTTS trong Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2023-2030 trên tỉnh Gia Lai.

Trên thực tế, đội ngũ giáo viên người DTTS và giáo viên dạy tiếng Jrai ở các tỉnh Tây Nguyên bị thiếu hụt trầm trọng. Theo khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm học 2020 - 2021, đội ngũ giáo viên tiếng DTTS toàn quốc chỉ có 1.026 người, chỉ chiếm tỷ lệ 0,2% tổng số giáo viên các môn học ở cấp học phổ thông trên toàn quốc. Số giáo viên dạy tiếng DTTS ở phổ thông và dạy cho cán bộ công chức đạt chuẩn chỉ chiếm tỷ lệ 43,4% tổng số giáo viên DTTS trên toàn quốc (đa phần là giáo viên dạy tiếng Khmer ở Nam bộ). Riêng đối với giáo viên dạy tiếng Jrai, không những thiếu hụt, nguồn nhân lực chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Đa số giáo viên thực hiện giảng dạy tiếng Jrai chưa được đào tạo chính quy mà chỉ được bồi dưỡng thông qua các chương trình tập huấn hoặc bồi dưỡng do Bộ GDĐT, Sở GDĐT tổ chức. Các trường tổ chức giảng dạy tiếng Jrai hàng năm giảm dần làm gia tăng khó khăn cho việc hội nhập, phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa tại đây. Gia Lai là tỉnh vùng cao, trong đó đồng bào DTTS chiếm 46,22% nhưng trên thực tế các chính sách đặc thù cho việc dạy và học tiếng Jrai trên địa bàn tỉnh chưa được xây dựng nên chưa thu hút việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

Từ thực tiễn trên có thể nói, việc dạy học tiếng Jrai trong thực tiễn vừa là nhiệm vụ cấp bách vừa là nhiệm vụ lâu dài cả hệ thống chính trị ở Tây Nguyên. Vì vậy, việc xây dựng Đề án bồi dưỡng giáo viên tiếng Jrai không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn cung cấp đội ngũ giáo viên thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc ở Tây Nguyên, đồng thời gắn với sứ mạng bảo tồn, phát huy tiếng nói chữ viết và văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc trong tình hình mới theo Thông tư 09/2023/TT- BGDDĐT ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng DTTS.

2.2. Xuất phát từ Tầm nhìn, sứ mạng và chức năng, nhiệm vụ của Trường Đại học Tây Nguyên trong công tác đào tạo đội ngũ giáo viên cho khu vực Tây Nguyên

Trường đại học Tây Nguyên được thành lập từ năm 1977 theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ. Trường Đại học Tây Nguyên là một trường đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Tây Nguyên và cho đất nước. Trường đã thực sự trở thành một trường Đại học quan trọng của khu vực, không những đủ sức đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao mà còn là một trung tâm văn hoá, khoa học công nghệ của các tỉnh Tây Nguyên và vùng Duyên hải miền Trung. Để hoàn thành tốt vai trò của mình, Trường Đại học Tây Nguyên xác định:

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHTN là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục, Nông - Lâm nghiệp, Môi trường, Kinh tế, TN - XH; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

Giá trị cốt lõi: Sáng tạo trong học tập và NCKH; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển.

Mục tiêu chiến lược: Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, CSVN hiện đại, CTĐT tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

Triết lý giáo dục: Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học.

Với Sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Mục tiêu chiến lược của Trường trong giai đoạn hiện nay là phát triển thành trường đại học trọng điểm của khu vực và cả nước, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, là nơi nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đặc biệt cho sự nghiệp phát triển KT -XH, giữ vững an ninh quốc phòng của khu vực Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, chương trình đào tạo tiên tiến, không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường để phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn

hóa của dân tộc. Trường xác định đến năm 2035 là cơ sở đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

3. Mục đích, yêu cầu của việc tổ chức đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai

3.1. Mục đích

Củng cố và phát triển những hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa và năng lực dạy học tiếng Jrai cho đội ngũ giáo viên dạy học tiếng Jrai trong các trường tiểu học, trường THCS trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông) và trung tâm giáo dục thường xuyên.

3.2. Yêu cầu

Sau khi hoàn thành Chương trình bồi dưỡng, học viên đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

- Nắm vững và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số nói chung, tiếng Jrai nói riêng, từ đó hiểu đúng vai trò, tầm quan trọng của việc dạy tiếng dân tộc thiểu số ở vùng dân tộc thiểu số, góp phần phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Jrai;
- Nắm vững những đặc điểm cơ bản của ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Jrai trong so sánh với ngôn ngữ tiếng Việt; Những đặc điểm đặc trưng, cơ bản của văn hóa, văn học dân tộc Jrai;
- Nắm vững lý luận và phương pháp dạy học tiếng Jrai, các hình thức tổ chức, quản lý dạy học, các phương pháp cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập;
- Nâng cao các năng lực cơ bản cho GV trong hoạt động dạy học tiếng Jrai.
- Nâng cao ý thức giáo dục học sinh, cộng đồng bảo tồn, phát triển tiếng nói, chữ viết và văn hóa Jrai, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Đào tạo người học trở thành giáo viên dạy tiếng Jrai, có kỹ năng giao tiếp tương đối hoàn thiện về kỹ năng nghe, nói thành thạo và đọc, viết vững chắc; có kiến thức cơ bản về tiếng Jrai và về phương pháp giảng dạy đủ để thực hiện nhiệm vụ của giáo viên dạy tiếng Jrai.

PHẦN II

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI

1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

Với chính sách thu hút và tạo nguồn nhân lực chất lượng, trong những năm qua, đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường Đại học Tây Nguyên phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Quy mô, năng lực và chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được mở rộng và nâng cao. Tính đến ngày 30/6/2023, tổng số VCNLD là 655 người (nữ 383), trong đó có 432 cán bộ giảng dạy. Cơ cấu gồm 01 Giáo sư, 17 Phó giáo sư, 75 tiến sĩ, 300 thạc sĩ, 18 giảng viên cao cấp, 140 giảng viên chính, 03 bác sĩ chuyên khoa II và 83 bác sĩ chuyên khoa I. Số viên chức, người lao động người đồng bào dân tộc thiểu số là 26 người. Các giảng viên có nhiều năm kinh nghiệm tham gia đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và tiếng DTTS.

Đóng chân trên đại bàn Tây Nguyên, một trong những sứ mạng của Trường Đại học Tây Nguyên là “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc”. Vì vậy, song song với công tác giảng dạy, giảng viên của Trường tham gia viết giáo trình, tài liệu học tập liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ, văn học các DTTS Tây Nguyên; tham gia thẩm định sách giáo khoa tiếng Jrai, Jrai, M’ông do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tham gia thẩm định tài liệu địa phương của các tỉnh Tây Nguyên. Tài liệu liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa dân tộc có: Giáo trình dạy tiếng Jrai cho cán bộ công chức, Giáo trình chuyên đề tiếng Jrai cho sinh viên, Bài giảng từ ngữ - ngữ pháp tiếng Jrai, Đại cương văn hóa các DTTS Tây Nguyên, Văn học Tây Nguyên, Văn hóa Việt Nam, ngôn ngữ văn hóa các DTTS Tây Nguyên... Các môn học này nằm trong Chương trình đào tạo thuộc học phần bắt buộc của các ngành thuộc khối sư phạm (ngành Giáo dục tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Giáo dục tiểu học Jrai, và một số ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn (Anh văn, Giáo dục Chính trị, Triết học, văn học) và môn học Đại cương văn hóa Tây Nguyên, Cơ sở văn hóa Việt là học phần tự chọn cho một số ngành khoa học tự nhiên (ngành Lâm sinh, Bảo vệ thực vật...).

Về đội ngũ giảng viên, giảng viên người DTTS cơ hữu của Trường Đại học Tây Nguyên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu về ngôn ngữ, văn hóa DTTS. Tham gia giảng dạy, tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phối hợp với các chuyên gia trong và ngoài trường triển khai và ứng dụng các đề tài văn hóa phải ngôn ngữ dân tộc thiểu

số trong hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc ở Tây Nguyên. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên của Trường còn phối hợp với cộng tác viên, trí thức người dân tộc thiểu số hiểu biết về văn hóa ngôn ngữ các dân tộc Tây Nguyên đang công tác ở các cơ quan báo chí, đài phát thanh truyền hình, các nghệ nhân tại các địa phương để sưu tầm, nghiên cứu di sản văn học, văn hóa dân tộc nhằm phục vụ cho giảng dạy và ứng dụng trong thực tiễn.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai: Gồm 11 giảng viên cơ hữu có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, trong đó 05 giảng viên người Jrai, Êđê tham gia dạy các kỹ năng sử dụng tiếng Jrai, 06 giảng viên còn lại tham gia dạy lý thuyết, phương pháp giảng dạy và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Bảng 1. Nhóm giảng viên dạy kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa dân tộc

TT	Họ và tên giảng viên	Chuyên ngành/ Ngành đào tạo	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	PGS.TS.GVCC. Buôn Krông Thị Tuyết Nhung	Ngữ văn, Văn hóa học	Trường Đại học Tây Nguyên	Phó Giám đốc TT. KHXHNVTN
2	ThS. H'Wen Aliô	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên TT. KHXHNVTN
3	ThS. Y Nei Rah Lan	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên TT. KHXHNVTN
4	ThS. Rơ Lan A Nhi	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ
5	ThS.GVC. Y Cuôr Bkrông	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

Bảng 2. Nhóm giảng viên dạy kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và phương pháp dạy học

TT	Họ và tên giảng viên	Chuyên ngành/ Ngành đào tạo	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	TS. GVC. Vũ Hoàng Cúc	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên Khoa Sư phạm
2	TS.GVC. Trương Thông Tuấn	Văn học, Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giám đốc TT. KHXHNVTN
3	TS.GVC. Trần Thị Thắm	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên Khoa Sư phạm
4	TS.GVC. Nguyễn Thị Kim Hồng	Văn học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên Khoa Sư phạm
5	ThS.GVC. Trần Thị Lệ Thanh	Văn học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên TT. KHXHNVTN
6	ThS.GVC. Phạm Thị Trang	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Tây Nguyên	Giảng viên TT. KHXHNVTN

2. Tài liệu giảng dạy

a. Tài liệu học tập chính:

[1]. K'Sor Yin (chủ biên), (2008), *Toloi Jrai*, Sang hră gul prong Lon Dap Kodur

b. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kiến thức chung về ngôn ngữ và phương pháp dạy học người lớn*, 2007, Hà Nội

[3]. Chữ Lương Đào (Chủ biên), *Từ điển phương ngữ Jrai* (2007), Sở Nội vụ - Trường Cao đẳng sư phạm Gia Lai.

[4]. Hoàng Văn Ma, Viện Ngôn ngữ học (2007), *Ngữ pháp tiếng Jrai (Sơ giản)*

[5]. K'Sor Yin, Chữ Lương Đào (2006), *Toloi Jrai*, Trường Cao đẳng SP Gia Lai.

[6]. Ksor Yin, Chữ Lương Đào, Trương Hải, Puih Keh (2010), *Hodrôm hră tolói Jrai*, Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai, Sở Nội vụ - Trường Cao đẳng SP Gia Lai.

[7]. K'Sor Yin, Phan Xuân Thành, K'Pă TWeo, Romah Del, Nhà xuất bản Giáo dục, *Từ điển Việt – Jrai*

[8]. Mông Ký Slay (Chủ biên), *Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục dân tộc* - NXBĐHQG, Hà Nội.

[9]. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong so sánh với các dân tộc khác)*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

[10]. Ngô Đức Thịnh (1995), *Văn hóa dân gian Tây Nguyên*, Sở Văn hóa - Thông tin Đắk Lắk.

[11]. Ngô Đức Thịnh (2007), *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

[12]. Siu Poi (Chủ biên) (1998), *Từ điển Jrai – Việt*, (1998), NXB Giáo dục

[13]. Toloi potô tolói Jrai (2006), Sở nội vụ Tỉnh Gia Lai

[14]. Viện Ngôn ngữ học (1994), *Nghiên cứu các ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai

3.1. Khu giảng đường

Trường Đại học Tây Nguyên có diện tích rộng 396.927,7 m², trong đó gồm: khuôn viên của trường (567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột), khu kí túc xá khoa Y Dược (84 Đặng Trần Côn, TP. Buôn Ma Thuột), khu đất xây dựng Khoa Y dược tại phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột. Nhà trường đã xây dựng được nhiều khu giảng đường, phòng thí nghiệm, nhà làm việc, khu thể thao liên hợp, trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, trường THPT Thực hành Cao Nguyên, trường Mầm non thực hành 11/11 và kí túc xá sinh viên nhằm phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường Đại học

Tây Nguyên.

Cơ sở vật chất của Trường tương đối hiện đại, đầy đủ và đồng bộ đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên với 121 phòng học, gồm: Nhà học Khoa Sư phạm, cấp II, diện tích sàn 3914 m²; Giảng đường 200 chỗ, cấp II; Giảng đường 400 chỗ, cấp II, diện tích sàn 1095 m²; Nhà học Khoa khoa học tự nhiên và công nghệ, cấp II, diện tích sàn 3914 m². Ngoài ra, Nhà trường còn xây dựng cơ sở vật chất cho Trung tâm giáo dục quốc phòng & an ninh Tây Nguyên, gần 12.000 m², cải tạo một số nhà làm việc, phòng thí nghiệm, giảng đường và một số hạng mục khác phục vụ cho việc giảng dạy và học tập

Nhìn chung, các trang thiết bị đã phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường chất lượng đào tạo, khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng thực hành, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường năng lực nghiên cứu cho giáo viên và sinh viên cả về nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu mục tiêu; Tạo bước đệm giữa khoa học lý thuyết với khoa học thực tiễn để ngày càng hoàn thiện chất lượng đào tạo, đào tạo ra những cán bộ có đủ năng lực, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của xã hội.

Ngoài dạy trực tiếp trên giảng đường, việc triển khai bồi dưỡng các kỹ năng được tiến hành ở phòng học đa phương tiện.

Bảng 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trực tiếp phục vụ đào tạo

TT	Loại phòng học	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ giảng dạy
1	Phòng học, hội thảo trực tuyến	60	Projector	01	Tất cả các nội dung khóa học
			Ampli	01	
			Loa	04	
			Bảng tương tác	01	
			Máy chiếu vật thể	01	
			LCD 70" tương tác	02	
			Micro thành viên	40	
			Camera tự dò tìm	02	
			Bàn, Ghế đơn	40	
			Máy tính giáo viên	01	Tất cả các nội

2	Phòng thực hành sư phạm 1	45	Projector	01	dung khóa học
			Wifi	01	
			Máy chiếu vật thể	01	
			Camera	01	
			Bảng tương tác	01	
			Bàn, Ghế đơn	40	
3	Phòng thực hành sư phạm 2		Máy tính giáo viên	01	Tất cả các nội dung khóa học
			Projector	01	
			Wifi	01	
			Máy chiếu vật thể	01	
			Camera	01	
			Bảng tương tác	01	
			Bàn, Ghế đơn	40	
4	Phòng dự giờ, quan sát, thảo luận	45	Máy tính giáo viên	01	Tất cả các nội dung khóa học
			Projector	01	
			Wifi	01	
			Máy chiếu vật thể	01	
			Camera	01	
			Bảng tương tác	01	
			Bàn, Ghế đơn	40	
5	Phòng nghiên cứu & triển khai giáo dục STEM	45	Máy tính giáo viên	01	Tất cả các nội dung khóa học
			Projector	01	
			Wifi	01	
			Máy chiếu vật thể	01	
			Camera	01	
			Bảng tương tác	01	
			Bàn, Ghế đơn	40	
			Toàn bộ máy tính kết nối internet	20	
			Máy tính giáo viên	01	
			Projector	01	

6	Phòng máy tính	45	Toàn bộ máy tính kết nối internet	20	Tất cả các nội dung khóa học
			Máy tính giáo viên	01	
			Projector	01	
			Wifi, Ampli	01	
			Máy chiếu vật thể	01	
			Camera	01	
			Bảng tương tác	01	
			Bàn, Ghế đơn	20	

Các giảng đường phục vụ học tập bao gồm: Giảng đường số 7, số 8, số 9 và một số phòng học của giảng đường số 2, số 5, số 6 và Trung tâm Kỹ năng sư phạm đều có trang bị máy chiếu Projecter, máy chiếu vật thể.

3.1. Thư viện, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo

Thư viện có diện tích sàn 3,724 m² với 5 phòng. Thư viện có 4 kho sách (kho giáo trình, tổng hợp, kho đọc, Phòng đọc sách pháp luật, và 02 Phòng đọc (khoảng 700 chỗ). Số lượng đầu sách tiếng Việt là 151,000 cuốn; tiếng Anh là 10,073 cuốn; số lượng sách điện tử 1288; số liệu cơ sở dữ liệu điện tử: 512. Trường Đại học Tây Nguyên có liên kết khai thác tài liệu của Trung tâm tư liệu Quốc gia với hơn 11.000 sách, báo điện tử. Trường có trung tâm tư liệu và thông tin với 41 máy cho SV sử dụng hệ thống internet và hệ thống internet không dây trong toàn trường.

Hiện nay, các phòng Internet, phòng tra cứu tài liệu phục vụ bạn đọc miễn phí tra cứu Opac, tìm tin, khai thác tài nguyên số của thư viện, sử dụng phần mềm học tiếng Anh LANGMASTER. Tổng số máy tính của toàn Trường là 1350 máy, trong đó có 678 máy tính nối mạng. Thư viện có phần mềm quản lý thư viện, máy tính và các phương tiện kỹ thuật dạy học khác.

Nhà trường đã trang bị hệ thống giáo trình, sách, tài liệu tham khảo để phục vụ đào tạo 11 ngành sư phạm từ nhiều nguồn khác nhau của các nhà xuất bản uy tín. Nhà trường cũng khuyến khích đội ngũ giảng viên liên tục viết, bổ sung hệ thống giáo trình, sách chuyên khảo nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và phục vụ công tác Đảm bảo chất lượng, đánh giá ngoài các chương trình đào tạo giáo viên.

3.3. Ký túc xá phục vụ sinh viên, học viên

Nhà trường đã xây dựng: 3 kí túc xá cấp II, trong đó có 1 kí túc xá 3 tầng, 2 kí túc xá 5 tầng, tổng diện tích sàn 24,026 m². Toàn bộ nhà ký túc xá là nhà khép kín, đảm bảo

điện, nước thuận lợi cho sinh hoạt của sinh viên và học viên. Khuôn viên khu ký túc xá đẹp, rộng rãi, gần sát sân vận động... một số phòng được bố trí làm câu lạc bộ cho SV.

3.4. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động Văn hoá - Thể thao - Y tế

Trường có một nhà thi đấu đa chức năng đúng tiêu chuẩn, 01 bể bơi trong nhà đạt tiêu chuẩn, 04 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá lớn, 01 câu lạc bộ tennis và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên. Diện tích phục vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao khác (phòng thể chất, sân bóng,...) là 8,111m².

Bệnh viện Trường với tổng diện tích 3.120 m² thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh và khám sức khỏe cho cán bộ công chức, viên chức, học sinh, sinh viên của Trường Đại học Tây Nguyên, và nhân dân trên địa bàn.

4. Năng lực của đơn vị được giao tổ chức đào tạo

4.1. Trường Đại học Tây Nguyên có kinh nghiệm đào tạo và hoạt động NCKH

Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ. Sau chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975 và thống nhất đất nước, sự ra đời của Trường ĐHTN là một tất yếu lịch sử phù hợp thống nhất giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước ta với nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Những bước phát triển của Trường đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm gắn liền với sự nghiệp phát triển GDĐT cùng với sự phát triển KT-VH-XH của nước ta. Trường có kinh nghiệm đào tạo với hàng chục nghìn kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, cử nhân. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của các tỉnh Tây Nguyên, nhu cầu nguồn nhân lực cần thiết, số lượng sinh viên, học viên do Trường Đại học Tây Nguyên đào tạo nhanh chóng được tuyển dụng, bổ nhiệm và tìm được vị trí thích hợp ở các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Kinh nghiệm đào tạo của Nhà trường: được thực hiện theo quy định và quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp trường đào tạo đa ngành; Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, nhằm phát triển toàn diện năng lực của người học. Cấp học bao gồm: Đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, Trung học phổ thông và mẫu giáo.

Về loại hình đào tạo có đào tạo chính quy, liên thông từ trung cấp/cao đẳng lên đại học, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, tin học, ngoại ngữ... Trường Đại học Tây Nguyên hiện nay có 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 5 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, với quy

mô gần 500 học viên/năm. Nhà trường đã đào tạo trên 95.000 bác sĩ, kĩ sư, giáo viên các cấp, cử nhân các ngành kinh tế,... cấp bằng tiến sĩ, trên 920 thạc sĩ và bác sĩ chuyên khoa I. Đào tạo 15.000 là người DTTS. Số sinh viên đại học và học viên sau tốt nghiệp ra trường kịp thời bổ sung nguồn nhân lực đáng kể cho các địa phương, góp phần phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên, khu vực và cả nước.

Hiện tại, Trường Đại học Tây Nguyên có 36 ngành đào tạo đại học, trong đó có 11 ngành sư phạm, đào tạo giáo viên từ bậc mầm non đến THPT (Bao gồm: SP Toán, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, SP tiếng Anh, SP Ngữ văn, Giáo dục Chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục tiểu học, Giáo dục tiểu học - Jrai, Giáo dục mầm non). Những năm 2018 trở về trước, mỗi năm chỉ tiêu các ngành sư phạm được Bộ GD&ĐT giao trên 1.000sv/năm, năm 2019 là 518 SV, năm 2020 là 500 SV, năm 2021 có 930 chỉ tiêu sinh viên, năm 2022 là 416 sinh viên, năm 2023 chỉ tiêu cho các ngành của sư phạm là 550. Trường đã đào tạo được hơn 10.000 GV các bậc học, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.

Trên tinh thần Chỉ thị 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi, năm học 2007 - 2008, Trường đại học Tây Nguyên bắt đầu đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học - Jrai và tham gia bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ công chức. Đã đào tạo 15 khóa ngành Giáo dục Tiểu học - Jrai, cấp bằng cử nhân cho hơn 500 sinh viên.

Ngoài ra, trường còn liên kết đào tạo được trên 2.690 thạc sĩ với 13 trường trên cả nước: Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Y tế Công cộng, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Y Dược Tp.Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện An ninh Nhân dân, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Điện lực.

Cùng với việc đảm bảo chất lượng đào tạo hệ chính quy, Trường Đại học Tây Nguyên có kinh nghiệm đào tạo ngắn hạn và hệ Liên thông, hình thức VLVH. Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại Trường và liên kết với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các Sở GD&ĐT và các Trung tâm giáo dục thường xuyên ở các địa phương để tổ chức đào tạo hệ liên thông, hình thức vừa làm vừa học có trình độ từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học. Nhà trường hiện có 8 chương trình đào tạo liên thông từ Trung

cấp, Cao đẳng lên Đại học. Tổng số học viên hệ VLVH đã đào tạo được là 4257 học viên đã tốt nghiệp, góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hóa ở vùng Tây Nguyên. Nhiều sinh viên ra trường đã được giữ các vị trí cán bộ chủ chốt trong cơ sở giáo dục cũng như các cơ quan quản lý văn hóa và quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện của khu vực Tây Nguyên.

Năm 2008, Trường mở lớp bồi dưỡng và cấp chứng chỉ cho giảng viên dạy tiếng Jrai, các giảng viên này là nòng cốt tham gia xây dựng tài liệu tiếng DTTS và tham gia đào tạo cử nhân tiếng Jrai trong và ngoài Trường. Tham gia phối hợp bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng Êđê, Jrai cho cán bộ, giáo viên công tác tại khu vực Tây Nguyên.

Hiện nay, nhà trường có 17 chương trình bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên và nhân viên các bậc học theo Quyết định số 5408/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 16/11/2017 của Bộ GD & ĐT về việc giao nhiệm vụ cho trường Đại học Tây Nguyên tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập cho giáo viên từ bậc Mầm non đến THPT (12 chương trình). Quyết định số 1191/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 27/03/2019 của Bộ GD & ĐT về việc giao nhiệm vụ cho trường Đại học Tây Nguyên tổ chức bồi dưỡng 3 chương trình theo tiêu chuẩn CDNN viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập trình độ cao đẳng, đại học.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai kết với các Sở GD & ĐT, Phòng GD & ĐT để tiến hành bồi dưỡng cấp chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên các cấp từ Mầm non đến THPT, giảng viên các trường cao đẳng, đại học. Năm 2020, Trường được Bộ GD & ĐT giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng 2 chương trình theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Nhân viên giáo vụ và Nhân viên thiết bị, thí nghiệm. Tính đến tháng 1/2020 trường đã bồi dưỡng và cấp chứng chỉ cho 1.646 giáo viên.

Bên cạnh đó, giảng viên các khối ngành sư phạm của Trường đã tham gia bồi dưỡng tiếng Êđê cho hơn 700 cán bộ công chức, viên chức ở Đăk Lăk; đã bồi dưỡng cho kiến thức cho giảng viên và cấp hơn 300 chứng chỉ thăng hạng cho giảng viên trong và ngoài trường theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; đã bồi dưỡng và cấp chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm cho 231 giáo viên THCS dạy môn KHTN; bồi dưỡng và cấp 218 chứng chỉ GV THCS dạy môn KHTN; tập huấn 1070 học sinh, 28 giáo viên tham gia trải nghiệm STEM.

Kinh nghiệm NCKH và chuyển giao công nghệ:

Hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường đã có những đóng góp đáng kể cho công tác phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương nói riêng, khu vực, toàn quốc nói chung. Các hoạt động nghiên cứu khoa học đã góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, cải

thiện năng xuất lao động... Các nghiên cứu đã và đang khẳng định được năng lực của đội ngũ các nhà khoa học trong trường có thể đáp ứng được các thách thức và yêu cầu mà thực tế địa phương đặt ra.

Trong thời gian qua, với đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn và nghiên cứu cao, năng lực ngoại ngữ tốt đã dần hình thành các nhóm nghiên cứu lớn có đủ khả năng tiến hành các nghiên cứu hợp tác, liên ngành với các Trường, Viện, Trung tâm khoa học công nghệ lớn trong nước và quốc tế, từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên nói riêng và của cả nước, của tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung. Tính từ giai đoạn 2016 đến nay, trường có hơn 1.798 bài báo đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo (197 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, có chỉ số ISI/Scopus, 978 bài đăng trên tạp chí trong nước và 623 bài tạp chí trong trường). Tạp chí khoa học của trường Đại học Tây Nguyên đã được Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước công nhận tính điểm quy đổi cho các công bố khoa học thuộc 05 ngành Y học, Chăn nuôi Thú y, Thủy sản, Nông lâm nghiệp và Sinh học (tương đương 120 chuyên ngành hẹp). Năm 2015, Tạp chí Khoa học công nghệ của Nhà trường đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép tăng số xuất bản từ 2 lên 6 số/năm. Đã xuất bản 67 giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Nhà trường đã tổ chức và tham gia hơn 334 cuộc hội nghị, hội thảo khoa học. Trong đó: Cử cán bộ, giảng viên tham gia 252 hội nghị, hội thảo Quốc gia; tổ chức 66 hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường; 6 hội nghị, hội thảo Quốc tế được tổ chức tại trường, 10 hội nghị, hội thảo Quốc gia được tổ chức tại trường. Nhà trường đã tổ chức thành công một số Hội nghị khoa học lớn như: Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng khối Nông - Lâm - Ngư - Thủy toàn quốc lần thứ VI, Hội nghị quốc gia Công nghệ thông tin lần thứ XVII, Hội thảo công bố khoa học và hợp tác đối tác Khoa học công nghệ các tỉnh Tây Nguyên, Hội thảo Đa dạng sinh học, nghiên cứu ứng dụng và tiềm năng, Hội nghị Y tế công cộng lần thứ 10, Hội nghị Ký sinh trùng Toàn quốc lần thứ 43, Hội thảo Nông lâm kết hợp châu Á, Hội nghị Toán học miền Trung - Tây Nguyên, Hội nghị ứng dụng GIS toàn quốc, Hội nghị năm học toàn quốc lần thứ III... Các Hội nghị, Hội thảo trong nước và Quốc tế triển khai trong trường đã được các đối tác đánh giá cao về chất lượng khoa học cũng như tính chuyên nghiệp trong tổ chức. Bên cạnh đó, các cán bộ giảng dạy trong Trường đã tham gia nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế.

Trong những năm qua, Nhà trường thường xuyên thực hiện đổi mới, sáng tạo

trong công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy thế mạnh bảo tồn giá trị văn hóa các dân tộc Tây Nguyên và cả nước. Trong giai đoạn 2020 -2023 Trường ĐHTN đạt được nhiều thành tích, trong đó có 02 VC được Chủ tịch nước tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”; 01 đơn vị được tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ GDĐT; 01 cá nhân tiêu biểu xuất sắc được Ban Tuyên giáo Trung ương tặng Bằng khen; Nhà trường được công nhận Tập thể lao động xuất sắc; 02 đơn vị trực thuộc Trường được tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ GDĐT; 01 VC được Bộ trưởng Bộ GDĐT công nhận có thành tích xuất sắc, tiêu biểu giai đoạn 1982 – 2022.

Với những kinh nghiệm và kết quả đạt được như trên, cùng với các yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ quản lý, đội ngũ chuyên môn để tổ chức tốt chương trình đào tạo giáo viên và cấp chứng chỉ dạy tiếng Jrai theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Năng lực của Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên

Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập theo Quyết định số 2790/GDĐT ngày 28 tháng 9 năm 1994 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên có chức năng:**

Có chức năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên; đào tạo, bồi dưỡng và dịch vụ khoa học trên các lĩnh vực về KHXH&NV vùng Tây Nguyên.

*** Nhiệm vụ của Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên**

(1) Nghiên cứu khoa học và chuyển giao ứng dụng

- Nghiên cứu và liên kết nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của Tây Nguyên từ góc độ KHXH; góp phần làm sáng rõ những vấn đề KT-XH, văn hóa, môi trường và các lĩnh vực KHXH khác trong quá trình phát triển của Nhà trường.

- Ký kết thực hiện các hợp đồng nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao khoa học với các tổ chức, cơ quan trong và ngoài Trường theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường Đại học Tây Nguyên.

- Hợp tác quốc tế về nghiên cứu và đào tạo theo quy định hiện hành; Phối hợp và tổ chức hội nghị, HTKH về các vấn đề xã hội và nhân văn vùng Tây Nguyên, nhằm nâng cao năng lực khoa học cho cán bộ, giảng viên, SV trường Đại học Tây Nguyên.

- Tư vấn, phản biện các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và phát triển cộng đồng Tây Nguyên; Thực hiện cung cấp dịch vụ công về những vấn đề KT-XH phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.

- Tổ chức, phối hợp chuyên gia, ứng dụng kết quả nghiên cứu và truyền bá kiến thức thuộc lĩnh vực KHXX&NV vào thực tiễn.

(2) Đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn và cấp chứng chỉ tiếng DTTS; tổ chức bồi dưỡng nâng ngạch giảng viên, giáo viên tiếng dân tộc thiểu số; Liên kết đào tạo, bồi dưỡng các khóa ngắn hạn về văn phòng, nghiệp vụ, văn thư lưu trữ...

- Liên kết bồi dưỡng, tập huấn và phổ biến kiến thức, kỹ năng phát triển văn hóa, du lịch và thực hành văn hóa Tây Nguyên cho HS - SV và các cơ sở đào tạo trong và ngoài trường theo quy định.

- Tổ chức, liên kết dịch thuật và biên tập, giới thiệu ngôn ngữ các DTTS Tây Nguyên; Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng giao tiếp, thực hành văn hóa, văn nghệ phát huy và bảo tồn giá trị di sản văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

- Liên kết, tổ chức phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về văn hóa, du lịch, bảo vệ môi trường cảnh quan du lịch và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

(3) Kết nối, phục vụ cộng đồng

- Tổ chức, phối hợp tổ chức kết nối, phục vụ cộng đồng, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Phối hợp, tổ chức phục vụ văn hóa, văn nghệ và hoạt động văn hóa, văn nghệ cho HSSV, cho cán bộ công chức và cho cộng đồng các DTTS tại địa phương.

4.3. Năng lực của Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm phát triển song song với lịch sử trường Đại học Tây Nguyên. Khoa tham gia đào tạo các ngành thuộc khối sư phạm: Ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Tiểu học - Jrai và ngành Cử nhân Văn học. Bên cạnh đó, Khoa Sư phạm là một đơn vị có chức năng nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ vào giảng dạy và thực tiễn. Đến 2023, Khoa Sư phạm có 53 CBVC (chưa tính 11 CBVC của Khoa đang làm việc ở các đơn vị khác, sinh hoạt chuyên môn trong Khoa), trong đó có 01 PGS, 20 TS, 4 NCS, 32 GVC, 25 ThS, 4 CN. Số CB có trình độ sau đại học của Khoa chiếm trên 86%. Hiện tại, Khoa

đào tạo 05 chuyên ngành sư phạm và 01 chuyên ngành ngoài sư phạm gồm SP Ngữ văn, CN Văn học, GD Tiểu học, GD Tiểu học tiếng Jrai, GD Thể chất, GD Mầm non và 01 Ngành Cao học (Ngôn ngữ học). Tổng số sinh viên của Khoa là: 1286 sinh viên phân bố trong 35 lớp (*đại học chính qui là 26 lớp với 870 sinh viên; đại học hệ VLVH là 9 lớp với 416 sinh viên; cao học là 01 lớp/15 học viên*). Tính tới thời điểm ngày 07/10/2022, số sinh viên nhập học Khóa 2022 của Khoa là 250 sinh viên. Trong đó, Ngành Ngữ văn là ngành trực thuộc của Khoa Sư phạm, là ngành mũi nhọn tham gia đào tạo, nghiên cứu lĩnh vực Ngữ Văn. Chức năng và nhiệm vụ của ngành là đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ Văn, hợp tác đào tạo cho chương trình Cử nhân Văn học, Cử nhân Giáo dục Tiểu học, Cử nhân Tiểu học - Jrai, Cử nhân Giáo dục Mầm non. Tham gia đào tạo cao học ngôn ngữ học và giảng dạy các học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam, Đại cương văn hóa các DTTS Tây Nguyên cho SV, giảng dạy các môn chuyên ngành cho Cao học ngôn ngữ. Tham gia đánh giá, kiểm tra công tác kiến tập, thực tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên của ngành. Tham gia bồi dưỡng NVSP cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên các trường trong hệ thống giáo dục phổ thông.

Hiện nay, ngành Sư phạm Ngữ Văn có 16 giảng viên cơ hữu giảng dạy cho chuyên ngành (01 PGS.TS.GVCC, 12 TS, 03 giảng viên có trình độ ThS). Giảng viên ngành có kinh nghiệm tham gia đào tạo hệ đại học, cao học chuyên ngành ngữ văn, ngôn ngữ; tham gia bồi dưỡng chứng chỉ giáo viên, tham gia dạy các môn chung và các môn đặc thù trong chương trình đào tạo như: ngữ pháp tiếng Jrai, chuyên đề tiếng Êđê, Đọc - hiểu, Nghe - nói tiếng Jrai, Phương pháp dạy học tiếng DTTS... Bên cạnh đó, đội ngũ các giảng viên là người DTTS có kinh nghiệm tham gia viết bài giảng, tài liệu, giáo trình tiếng DTTS; tham gia phản biện các chương trình giáo dục địa phương và sách tiếng DTTS do Bộ Giáo dục Đào tạo chủ trì.

PHẦN III

TUYỂN SINH VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI

1. Phương thức tuyển sinh

Phương thức xét tuyển: xét tuyển.

2. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam nói được tiếng Jrai, có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến từ 200 đến 500 học viên/năm

4. Hồ sơ tuyển sinh

- + Đơn xin học (theo mẫu);
- + Bằng Cao đẳng sư phạm (hoặc Đại học sư phạm),
- + Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (photo công chứng);
- + 2 ảnh thẻ 3x4;
- + Căn cước công dân (photo công chứng).

5. Căn cứ xây dựng Chương trình đào tạo

Theo Quyết định số 02/2006 QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết).

6. Thời lượng và cấu trúc chương trình đào tạo

6.1. Thời lượng chương trình đào tạo:

Gồm 600 tiết, tương đương 15 chuyên đề, trong đó:

- Lý thuyết: 400 tiết
- Thực hành: 200 tiết

6.2. Cấu trúc chương trình đào tạo: Gồm 2 phần

a. Khối kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ (80% tổng số tiết):

Khối kiến thức này được chia thành các 15 chuyên đề. Mỗi chuyên đề gồm có các bài học. Mỗi bài học được cấu trúc gồm các phần: Bài đọc, ngữ âm - chữ viết, từ ngữ - ngữ pháp và làm văn (thực hành), trong đó bài đọc là cơ sở để liên kết các phần (thực hành đọc, viết và thực hành nghe, nói). Hoạt động rèn kỹ năng ngôn ngữ liên kết nhau qua hệ thống chủ đề theo mô hình sau:

Ví dụ: Chủ đề Gia đình, dòng tộc

Bài học số...			
Bài đọc (Kiến thức, kỹ năng)	Ngữ âm - chữ viết (Kiến thức, kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (Kiến thức, kỹ năng)	Làm văn (Kiến thức, kỹ năng)
Bài học: Tình cảm gia đình - Đọc đúng - Hiểu nội dung bài	- Chữ và dấu; - Viết chữ; - Viết chính tả Một số quy tắc chính tả	- Từ ngữ về gia đình - Câu hỏi. Hỏi và trả lời câu hỏi Ai? Là gì? Bao nhiêu? - Danh từ. - Đại từ xưng hô	- Trả lời câu hỏi về gia đình. - Nghi thức lời nói (Chào hỏi) - Giới thiệu về gia đình

b. Khối kiến thức và kỹ năng sư phạm (20% tổng số tiết), bao gồm:

- + Khái quát về phương pháp và nguyên tắc dạy học tiếng nói và chữ viết;
- + Phương pháp dạy học tiếng Jrai;
- + Thực hành sư phạm 1 và Thực hành sư phạm 2.

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Tổng Số tiết	Số tiết	
			Lý thuyết	Thực hành
I	Khối kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ (chiếm 80%)	480	325	155
1	Chuyên đề 1: Khái quát về ngôn ngữ và văn hóa Jrai	30	25	5
2	Chuyên đề 2: Gia đình và dòng tộc	45	30	15
3	Chuyên đề 3: Chăm sóc sức khỏe	45	30	15
4	Chuyên đề 4: Thôn buôn	45	30	15
5	Chuyên đề 5: Thiên nhiên, môi trường	45	30	15
6	Chuyên đề 6: Văn hóa, dân tộc	45	30	15
7	Chuyên đề 7: Đất nước, con người	45	30	15
8	Chuyên đề 8: Đảng và Bác Hồ	45	30	15
9	Chuyên đề 9: Lao động, sản xuất	45	30	15
10	Chuyên đề 10: Khoa học và giáo dục	45	30	15
11	Chuyên đề 11: Bảo vệ tổ quốc	45	30	15

	Khối kiến thức và kỹ năng sư phạm (chiếm 20%)	120	75	45
12	Chuyên đề 12: Khái quát về phương pháp và nguyên tắc dạy học tiếng	30	25	5
13	Chuyên đề 13: Phương pháp dạy học tiếng Jrai	30	20	10
14	Chuyên đề 14: Thực hành sư phạm 1	30	15	15
15	Chuyên đề 15: Thực hành sư phạm 2	30	15	15
	TỔNG SỐ TIẾT	600	400	200

8. Yêu cầu cần đạt

Sau khi học xong Chương trình, học viên cần đạt được các yêu cầu cơ bản sau:

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Ngữ âm - chữ viết: Nhận diện được bảng chữ cái tiếng Jrai; hệ thống âm vần; các quy tắc chính tả tiếng Jrai.
- Từ ngữ - ngữ pháp:
 - + Có vốn từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ) phù hợp với các chủ đề đã học. Hiểu và vận dụng được các phương thức cấu tạo từ; các hiện tượng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa.
 - + Hiểu và vận dụng được cách từ loại cơ bản (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ); các kiểu câu: câu đơn (câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán), câu ghép; các thành phần câu; một số kiểu câu đặc thù tiếng Jrai.
- Làm văn: Hệ thống hóa những hiểu biết về nghi thức lời nói; nắm được cấu tạo đoạn văn, bài văn; biết cách xây dựng một số loại văn bản cụ thể (thư từ, văn bản tự sự, thuyết minh) để hướng dẫn người học thực hành.

2.1.2. Kiến thức văn hóa dân tộc

Có những hiểu biết sâu hơn về phong tục tập quán, về đời sống tinh thần và vật chất của người Jrai và vai trò của tiếng nói, chữ viết Jrai đối với thực tiễn.

2.1.3. Kiến thức sư phạm

Có hiểu biết về:

- Phương pháp dạy tiếng Jrai.
- Phương tiện dạy học và cách sử dụng phương tiện dạy học.

- Phương pháp đánh giá, kiểm tra kết quả người học.
- Phương pháp quản lý, tổ chức lớp học trong hoạt động dạy - học.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. *Kỹ năng ngôn ngữ*

- Đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy các bài văn, bài thơ, truyện dân gian, bản tin, thông báo, văn bản phổ biến khoa học, phổ biến đường lối, chính sách, pháp luật,... hiểu nội dung bài đọc bằng tiếng Jrai. Có khả năng dịch lại được nội dung chính của những văn bản đã đọc từ tiếng Jrai sang tiếng Việt và ngược lại. Thuộc một số tục ngữ, thành ngữ, dân ca, một số bài văn vần phổ biến của người Jrai.
- Viết đúng chính tả. Viết được thư từ giao dịch thông thường, văn bản tự sự, thuyết minh đơn giản.
- Nghe và dịch được nội dung các cuộc trao đổi, bản tin thời sự, văn bản phổ biến kiến thức khoa học, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,...
- Trình bày được ý kiến cá nhân về các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

2.2.2. *Kỹ năng sư phạm*

- Vận dụng được kỹ năng soạn giáo án để thiết kế bài dạy học.
- Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ năng giảng dạy để phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học.

PHẦN IV

HÌNH THỨC TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức tổ chức đào tạo

1.1. Hình thức tổ chức đào tạo: Đào tạo tập trung tại Trường hoặc các cơ sở liên kết.

1.2. Thời gian đào tạo: Từ 3 tháng đến 6 tháng.

2. Kiểm tra, đánh giá

2.1. Điểm kiểm tra

- Học viên được kiểm tra thường xuyên suốt quá trình tập: chuyên cần và sự tương tác trên lớp khi học các chuyên đề (được tính hệ số 1)

- Bài kiểm tra định kỳ. Mỗi chuyên đề có 01 bài kiểm tra định kỳ 1 tiết (được tính hệ số 2)

2.2. Điểm thi cuối khóa:

Mỗi HV phải có điểm dự thi kỹ năng: nghe – nói và đọc – viết (được tính hệ số 3)

2.3. Điều kiện tính điểm cho học viên

- Học viên dự thi cuối khóa cần đảm bảo các điều kiện sau: Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm hoạt động học tập có hệ số 1; điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm; không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình;

- Bài thi cuối khóa có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định.

- Thời gian thi cuối khóa đối với chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai là 120 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc - viết (Thời gian cho thi nghe, nói 15 phút phút/HV; thời gian cho kỹ năng đọc viết tối thiểu là 105 phút)

- Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Jrai chịu trách nhiệm tổ chức thi cuối khóa cho học viên tại chỗ hoặc tại các cơ sở đào tạo liên kết.

3. Xếp loại, bảo lưu kết quả học tập

* Học viên tham gia đủ số tiết và đạt điểm các bài kiểm tra định kỳ thì được phép bảo lưu.

* Học viên có điểm thi cuối khóa từ 5,0 trở lên thì được đánh giá hoàn thành chương trình.

* Xếp loại kết quả học tập được ghi trong chứng chỉ cấp cho học viên căn cứ vào điểm trung bình chung toàn khóa đã quy về thang điểm 10 (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2, điểm thi cuối khóa có hệ số 3). Cụ thể như sau:

- a) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 8,0 đến 10 điểm, xếp loại: Giỏi;
- b) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 6,5 đến dưới 8,0 điểm, xếp loại: Khá;
- c) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 5,0 đến dưới 6,5 điểm, xếp loại: Trung bình.

* Học viên có điểm thi cuối khóa dưới 5,0 thì được bảo lưu các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm định kỳ và được phép thi lại 01 lần để đánh giá hoàn thành chương trình.

4. Cấp chứng chỉ

(1) Học viên được đánh giá hoàn thành chương trình thì được cấp chứng chỉ dạy tiếng Jrai;

(2) Quản lý, cấp chứng chỉ:

- Trường Đại học Tây Nguyên quản lý tổ chức đào tạo và chịu trách nhiệm trong việc quản lý, cấp chứng chỉ đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai cho các học viên đã hoàn thành chương trình.
- Thời gian lưu trữ hồ sơ kiểm tra, cấp chứng chỉ các chương trình dạy tiếng Jrai được quy định theo các quy định chung của Trường Đại học Tây Nguyên và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Trách nhiệm của Trường Đại học Tây Nguyên

- Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo để tổ chức bồi dưỡng theo Thông tư 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo đột xuất theo yêu cầu và báo cáo định kỳ theo quy định.

5.2. Trách nhiệm Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên:

- Thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo theo quy định
- Lưu trữ các văn bản hành chính liên quan, bài thi và minh chứng khác của các học phần được lưu trữ theo quy định để phục vụ công tác hậu kiểm, thanh tra định kì hoặc đột xuất.

5.3. Trách nhiệm của các phòng ban liên quan:

a) Phòng Đào tạo:

- Quyết định danh sách đầu vào và đầu ra;
- Quản lý chương trình đào tạo;
- In và cấp chứng chỉ, bảng điểm, kết quả học tập cho học viên.

b) *Phòng Quản lý chất lượng:*

Phối hợp tổ chức thi kết thúc khóa học.

c) *Phòng Thanh tra – Pháp chế:*

Thanh tra giảng dạy, học tập, kiểm tra, thi, chấm bài kiểm tra.

5.4. Yêu cầu đối với giảng viên và học viên

5.4.1. Giảng viên

- Tham gia giảng dạy theo sự phân công và theo kế hoạch dạy học;
- Chịu trách nhiệm nội dung bài giảng và các hoạt động dạy học theo kế hoạch.
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá học viên trong quá trình dạy học.

5.4.2. Học viên

- Tham gia học tập đủ số tiết theo quy định.
- Tham gia làm bài kiểm tra và thi theo quy định
- Thực hiện đúng quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác của pháp luật.

6. Đề nghị và cam kết thực hiện

Thứ nhất, thông tin công bố công khai trên địa chỉ website của Trường Đại học Tây Nguyên: <https://www.ttn.edu.vn>

Thứ hai, Trường Đại học Tây Nguyên kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cho phép Trường được đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng Jrai .

Thứ ba, Trường Đại học Tây Nguyên cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai thực hiện đúng các nội dung đã xây dựng trong Đề án, đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong khu vực.

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Vụ Giáo dục Dân tộc;
- Lưu: VT, KHXHNVTN, ĐT

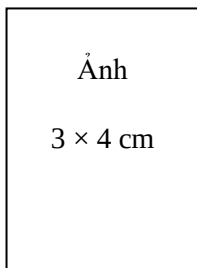


PHO HIỆU TRƯỞNG

PHO HIỆU TRƯỞNG
GS-TS. Nguyễn Văn Nam

Phụ lục 2
Biểu mẫu đơn đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN XIN THAM GIA LỚP HỌC
Đào tạo và cấp chứng chỉ giáo viên dạy tiếng Jrai

Kính gửi: Trường Đại học Tây Nguyên

Tôi tên (Viết in hoa):.....
Ngày, tháng, năm sinh:....../...../.....; Nơi sinh:.....
Số CMND/CCCD:..... do công an:.....cấp ngày:.....
Đơn vị công tác:
Số điện thoại:
Email:

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

Xét thấy bản thân đủ điều kiện để tham gia lớp đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai, vì vậy tôi viết đơn xin tham gia lớp học do Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức.

Tôi cam đoan thực hiện đúng nội quy, quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ... tháng ... năm 20...

XÁC NHẬN ĐƠN VỊ CÔNG TÁC/ĐỊA PHƯƠNG
(ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký, ghi rõ họ tên)